

Bản án số: 235/2020/DS-ST

Ngày: 15/12/2020

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay  
tài sản và tranh chấp Hui*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Ông **Đỗ Duy Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham dự phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Cẩm** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 405/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp Hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2020/QĐXXST-DS ngày 19/11/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Chị **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh **Nguyễn Hoài D**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp 04, xã A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* - Bà **Nguyễn Thị Kim M**, sinh năm: 1969.

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1963.

- Anh **Nguyễn Hữu P**, sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, anh D, bà M, ông N có mặt tại phiên tòa. Anh P vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hoài D và chị Nguyễn Thị Ánh T cùng trình bày:

Vợ chồng bà M, ông N và con trai là P có nợ của anh, chị tiền hụi và tiền vay, cụ thể như sau:

+ Về tiền vay: Bà M, ông N và anh P có vay của anh, chị số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất ngân hàng, thời hạn vay khi nào anh, chị cần thì bên vay sẽ trả vốn. Khi vay, hai bên có lập Giấy biên nhận mượn tiền đề ngày 01/8/2020 do chị T viết và do bà M, ông N và anh P ký tên. Anh, chị đã giao đủ tiền cho bên vay. Đến nay, phía bị đơn không trả khoản vốn và lãi nào cho anh, chị.

+ Về tiền hụi: Chị T có làm đầu thảo hụi. Bị đơn có tham gia chơi 06 dây hụi của chị như sau:

1/ Dây hụi ngày 15/8/2019 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, có 25 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, bị đơn tham gia 01 phần, đã hốt kỳ hụi thứ 3 và đóng lại được 05 kỳ hụi chết. Còn nợ lại 15 kỳ hụi chết;

2/ Dây hụi ngày 15/8/2019 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, có 25 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, bị đơn tham gia 01 phần, đã hốt kỳ hụi thứ 7 và đóng lại được 02 kỳ hụi chết. Còn nợ lại 15 kỳ hụi chết;

3/ Dây hụi ngày 10/03/2020 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, có 23 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bị đơn tham gia 01 phần, đã hốt kỳ hụi thứ nhất và đóng lại được 01 kỳ hụi chết. Còn nợ lại 21 kỳ hụi chết;

4/ Dây hụi ngày 10/3/2020 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, có 23 phần, mỗi phần 4.000.000 đồng, bị đơn tham gia 01 phần, đã hốt kỳ hụi thứ nhất và đóng lại được 01 kỳ hụi chết. Còn nợ lại 21 kỳ hụi chết;

5/ Dây hụi ngày 01/4/2020 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, có 19 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng, bị đơn tham gia 01 phần, đã hốt kỳ hụi thứ nhất và không đóng hụi chết kỳ nào. Còn nợ lại 18 kỳ hụi chết;

6/ Dây hụi ngày 15/4/2020 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, có 16 phần, mỗi phần 4.000.000 đồng, bị đơn tham gia 01 phần, đã hốt kỳ hụi thứ nhất và không đóng hụi chết kỳ nào. Còn nợ lại 15 kỳ hụi chết.

Nay chị T, anh D yêu cầu bà M, ông N và anh P liên đới trả cho anh, chị số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi vay từ ngày 01/08/2020 đến ngày xét xử mức lãi suất 0,83%/tháng.

Chị T yêu cầu bà M, ông N và anh P liên đới trả số tiền hụi vốn đã giao là 284.120.000 đồng và tiền lãi mức lãi suất 0,83%/tháng số tiền 15.975.508 đồng.

- Theo đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đề ngày 26/10/2020 nguyên đơn anh Nguyễn Hoài D rút yêu cầu khởi kiện bà M, ông N và anh P liên đới trả số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Theo Các Biên bản lấy lời khai của đương sự cùng ngày 02/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim M, ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Hữu P trình bày: Từ năm 2018 đến năm 2019, bà M, ông N và anh P có vay tiền của chị T nhiều lần, tổng cộng số tiền vốn vay là 88.000.000

đồng, lãi suất vay là 10%/tháng. Ông, bà đóng lãi đầy đủ đến tháng 09/2019 thì ngưng và khoảng sau Tết 2020 có đóng thêm 17.000.000 đồng. Biên nhận ngày 01/8/2020 do nguyên đơn cung cấp, ông, bà thừa nhận đúng là chữ ký và ghi họ tên của bà M, ông N và anh P nhưng ông, bà cho rằng do phía chị T đe dọa nên ông, bà mới ký tên chứ ông, bà không có vay số tiền 300.000.000 đồng như phía chị T trình bày. Đối với tiền hui thì ông, bà thừa nhận chỉ tham gia 02 dây hui và nợ lại số tiền là 44.000.000 đồng. Nay bà M, ông N và anh P chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 132.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi xong nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T chỉ yêu cầu bà M, anh P trả số tiền châu hui tổng 250.400.000 đồng, rút phần yêu cầu ông N liên đới cùng trả và thay đổi không yêu cầu tính tiền lãi suất chậm trả phần tiền này. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

+ Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu của chị T yêu cầu ông N, bà M và anh P liên đới trả cho chị số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh mức lãi suất 0,83%/tháng là có cơ sở vì căn cứ giấy biên nhận mượn tiền ngày 01/8/2020 và lời trình bày của các bị đơn thừa nhận có ký tên vào giấy mượn tiền. Đồng thời, theo Biên bản ghi lời khai ngày 12/10/2020 do Công an xã Mỹ Đức Tây lập thì bà M cũng thừa nhận có nợ số tiền vay trên. Đối với anh D, anh trình bày đưa tiền cho chị T để chị cho bị đơn vay chứ anh không trực tiếp cho vay và anh xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Do đó, có cơ sở buộc bị đơn trả 300.000.000 đồng cho chị T. Đối với yêu cầu của chị T yêu cầu trả số tiền nợ hui 284.120.000 đồng và tiền lãi mức lãi suất 0,83%/tháng. Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là các biên nhận giao hui có bà M và anh P ký nhận. Bà M và anh P cũng thừa nhận chữ ký các biên nhận hui là của bà M và anh P. Phía bị đơn trình bày chỉ nợ chị T số tiền hui 44.000.000 đồng và thực tế không có nhận tiền hui mà trừ vào tiền vay nhưng phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa, chị T xin rút yêu cầu tính lãi đối với 04 dây hui mà chỉ yêu cầu trả vốn và chỉ yêu cầu bà M, anh P trả, không yêu cầu ông N cùng liên đới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi 04 dây hui và yêu cầu ông N liên đới trả tiền đối với dây hui châu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T, anh D kiện bà M, ông N và anh P tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Chị T, anh D kiện bà M, ông N và anh P yêu cầu trả số tiền vay và số tiền nợ hui, nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui theo quy định tại Điều 463, Điều 470 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc nguyên đơn anh Nguyễn Hoài D và chị T rút yêu cầu và thay đổi yêu cầu khởi kiện*: Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2020 anh D có yêu cầu bị đơn liên đới trả cho anh và chị T số tiền vay. Quá trình giải quyết vụ án, anh có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn; chị T rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông N liên đới trả phần tiền châu hui và thay đổi không yêu cầu tính lãi suất phần tiền châu hui đối với bà M, anh P.

Xét việc xin rút yêu cầu khởi kiện của anh D và một phần yêu cầu của chị T và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính tiền lãi suất của chị T là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của anh D về việc yêu cầu bà M, ông N và anh P trả số tiền vay. Đình chỉ xét xử phần chị T yêu cầu ông N liên đới trả phần tiền châu hui 250.400.000 đồng.

- *Về việc vắng mặt của đương sự*: Anh Nguyễn Hữu P là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu xin xét xử vắng mặt của anh P là tự nguyện phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của anh P.

## **[2]. Về nội dung vụ án:**

### **2.1. Về tranh chấp tiền vay:**

- Theo lời chị T khai vào tháng 8/2020, bà M, ông N và anh P có vay của chị số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào chị cần thì bên vay sẽ trả vốn. Khi giao nhận tiền hai bên có lập Giấy biên nhận mượn tiền đề ngày 01/8/2020 do chị viết và do bà M, ông N và anh P ký tên, đồng thời cung cấp chứng cứ là “Giấy biên nhận mượn tiền” đề ngày 01/8/2020. Bà M, ông N và anh P chỉ thừa nhận có vay của chị T số tiền là 88.000.000 đồng, lãi suất vay là 10%/tháng và đã đóng lãi đầy đủ đến tháng 09/2019 thì ngưng và khoảng sau Tết 2020 có đóng thêm 17.000.000 đồng. Xét lời khai của bà M, ông N và anh P là không có căn cứ vì theo chứng cứ chị T cung cấp là “Giấy biên nhận mượn tiền” đề ngày 01/8/2020 bà M, ông N và anh P thừa nhận do ông, bà ký và ghi họ tên nơi người mượn tiền. Theo nội dung biên nhận đề ngày 01/8/2020 ghi “... tôi tên Nguyễn Văn N Sn:1963, 312180066 Nguyễn Thị Kim M: 1969 số cm: 31080397 Con Nguyễn Hữu P: 1989 Số cm: 312027220... có mượn của Nguyễn Thị Ánh T... số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu đồng)...”. Tuy nhiên, theo lời phía bà M, ông P khai do chị T tính lãi cộng vào và đe dọa nên ông, bà mới ký tên. Đồng thời, ông bà khai có trình báo Công an xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè có mời hai bên lên giải quyết. Xét thấy, qua thu thập hồ sơ tại Công an xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, Công an xã có tiếp nhận nguồn tin do bà M trình báo về việc có người dùng đá chọi vào nhà bà và “Biên bản sự việc” đề ngày 15/10/2020 về việc bà trình báo chị T cùng một người tên Q vào hăm dọa đánh bà. Ngoài ra,

không có việc giải quyết về việc ép buộc ông, bà ký nợ như lời ông, bà khai. Hơn nữa, tại “Biên bản ghi lời khai” do Công an xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè lập ngày 12/10/2020 bà M khai nhờ Công an trao đổi chị T cho bà trả tiền vốn ba trăm triệu đồng và xin không trả tiền lãi, do chị T bắt bà trả lãi mỗi tháng 9.000.000 đồng. Mặt khác, ông bà không có chứng cứ chứng minh do bị ép buộc, nên không chấp nhận lời khai này của phía bà M, ông N. Xét chứng cứ, yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu bà M, ông N, anh P liên đới trả số tiền vay 300.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

- Ngoài ra chị T có yêu cầu tính tiền lãi suất từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử.

Xét thấy, mặc dù theo biên nhận mượn tiền đề ngày 01/8/2020 không có ghi lãi suất, nhưng qua lời khai hai bên có thỏa thuận trả tiền lãi suất. Theo phía bà M khai mức lãi là 10%/tháng, còn chị T khai lãi suất 5%/tháng. Xét thấy, mặc dù biên nhận ghi là tiền mượn, không ghi lãi suất, nhưng lời khai hai bên là có thỏa thuận phía bà M phải trả tiền lãi. Do vậy, chị T yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ. Do các bên không xác định rõ mức lãi suất và có tranh chấp về mức lãi suất, nên tiền lãi được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là không vượt quá 20%/năm. Như vậy, mức lãi suất được tính là 10%/năm và chia ra 12 tháng mức lãi suất mỗi tháng là 0,83%/tháng và tiền lãi cụ thể như sau:

Thời gian tính lãi từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử là 14/12/2020 tính tròn là 4,5 tháng.

Số tiền 300.000.000 đồng x mức lãi suất 0,83%/tháng x 4,5 tháng thành tiền lãi là 11.205.000 đồng.

Tuy nhiên, theo lời phía bà M, ông N, anh P khai ông, bà đã đóng lãi đầy đủ đến tháng 9/2020 thì ngưng và khoảng sau Tết 2020 có đóng thêm 17.000.000 đồng, nhưng không được chị T thừa nhận và phía bà M không có chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền lãi, nên không chấp nhận lời khai này của phía bà M, ông N.

Do đó, buộc bà M, ông N, anh P liên đới trả cho chị T số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi là 11.205.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là 311.205.000 đồng.

## *2.2. Về tranh chấp tiền hụi:*

- Theo lời chị T khai bà M, ông N và anh P còn tham gia chơi trong 06 dây hụi do chị làm đầu thảo hụi. Mỗi dây hụi tham gia 01 phần và đã hốt hết số tiền hốt 06 phần hụi là 284.120.000 đồng. Sau khi hốt không đóng hụi chết, còn thiếu lại tiền hụi chết của 06 phần hụi là 284.120.000 đồng và cung cấp chứng cứ là 06 Giấy “Biên nhận giao hụi” đề ngày 15/4/2020, ngày 07/4/2020, ngày 10/3/2020, biên nhận giao hụi khai ngày 15/8/2019, ngày 10/3/2020 và 15/8/2019.

- Bà M, ông N và anh P cũng thừa nhận có tham gia chơi hụi còn thiếu tiền chị T. Tuy nhiên ông, bà chỉ thừa nhận có tham gia chơi 01 dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 15/8/2019, hụi gồm 25 phần, ông bà tham gia 02 phần và đã hốt hết 02 phần hụi, sau khi hốt có đóng hụi chết đến lần thứ 3 ngưng, còn nợ lại 22 lần hụi chết là 22.000.000 đồng x 2 phần thành tiền là 44.000.000 đồng. Xét thấy phía bà M là tay em tham gia chơi hụi do chị T làm đầu thảo. Sau khi hốt hụi ông bà phải có N vụ

đóng lại hụi chết, nhưng ông bà không đóng là có lỗi vi phạm N vụ trả tiền. Do vậy, chị T yêu cầu bà M, ông N, anh P liên đới trả số tiền hụi chết của dây hụi khai ngày 15/8/2019 là có căn cứ. Tuy nhiên, chị T chỉ yêu cầu trả số tiền 42.000.000 đồng là tự nguyện nên chấp nhận yêu cầu này của chị T.

2.3. Còn lại các dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 10/3/2020; dây hụi 4.000.000 đồng khai ngày 10/3/2020; dây hụi 10.000.000 đồng khai ngày 01/4/2020; dây hụi 4.000.000 đồng khai ngày 15/4/2020 theo lời khai hai bên dưới hình thức châu hụi, chị T cho phía bà M vay tiền, nhưng tính vô hụi để phía bà M đóng trả lại hàng tháng không phải trả 01 lần. Đồng thời, chị T cũng xác định thực tế các dây hụi này không có khai và cũng không có các tay em tham gia chơi. Do vậy, không thể buộc phía bà M trả tiền hụi chết còn thiếu.

- Đối với số tiền mà bà M, anh P nhận từ chị T từ hình thức châu hụi theo các “Biên nhận giao hụi” do chị T cung cấp cụ thể:

1/ Biên nhận giao hụi ngày 10/3/2020 số tiền 29.800.000 đồng. (Do bà M ký và ghi họ tên nơi người nhận tiền)

2/ Biên nhận giao hụi ngày 15/4/2020 số tiền 40.000.000 đồng. (Do bà M ký và ghi họ tên nơi người nhận tiền)

3/ Biên nhận giao hụi ngày 07/4/2020 số tiền 121.000.000 đồng (Do anh P ký và ghi nơi người nhận tiền)

4/ Biên nhận giao hụi ngày 10/3/2020 số tiền 59.600.000 đồng. (Do bà M ký và ghi họ tên nơi người nhận tiền)

Tổng cộng số tiền là 250.400.000 đồng. Theo lời phía bà M, anh P khai thừa nhận có ký tên nhưng không có nhận tiền, do chị T không có giao tiền mà nói trừ vào tiền lãi vay. Xét thấy, theo các chứng cứ chị T cung cấp là 04 “Biên nhận giao hụi” trên, bà M và anh P thừa nhận đúng là do bà M và anh P ký tên và ghi họ tên nơi người nhận tiền. Việc bà M, anh P khai không có nhận tiền, nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được chị T đồng ý. Do vậy, không chấp nhận lời khai này của bà M và anh P.

Tuy nhiên, theo 04 “Biên nhận giao hụi” do chị T cung cấp chỉ có bà M và anh P ký tên, không có ông N cùng ký, nên chỉ buộc bà M, anh P cùng liên đới trả cho chị T số tiền 04 “Biên nhận giao hụi”. Tại phiên tòa, chị T cũng đồng ý chỉ yêu cầu bà M và anh P cùng trả, do bà M và anh P đã nhận số tiền theo 04 “Biên nhận giao hụi” là 250.400.000 đồng thì có N vụ trả lại cho chị T số tiền 250.400.000 đồng. Do vậy, xét yêu cầu khởi kiện này của chị T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu này của chị T. Buộc bà M, anh P liên đới trả cho chị T số tiền theo 04 “Biên nhận giao hụi” là 250.400.000 đồng. Tại phiên tòa, chị T không có yêu cầu tính tiền lãi phần tiền 250.400.000 đồng, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, phía bà M có yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét yêu cầu xin trả dần của phía bà M nhằm kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn và không được nguyên đơn đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của phía bà M.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, phía bà M có đơn xin miễn giảm tiền án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn đề ngày 19/10/2020 và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xác nhận ngày 27/10/2020, căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các bị đơn. Còn lại 50% các bị đơn phải chịu theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 471, Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T.

1.1. Buộc Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu P liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Ánh T số tiền 353.205.000 đồng (Tiền vốn vay 300.000.000 đồng, tiền lãi vay 11.205.000 đồng; Tiền hui 42.000.000 đồng)

1.2. Buộc Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Hữu P liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Ánh T số tiền 250.400.000 đồng. (Phần tiền nhận châu hui).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M, anh N, anh P chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[2]. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

2.1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoài D về yêu cầu bà M, anh N, anh P trả cho anh và chị T số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

2.2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T về yêu cầu ông N cùng trả cho chị T số tiền 250.400.000 đồng. (Phần tiền nhận châu hui).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim M, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Hữu P liên đới chịu 8.830.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim M, anh Nguyễn Hữu P liên đới chịu 6.260.000 đồng.

- Hoàn lại chị T, anh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.100.000 đồng theo biên lai thu số 0004271 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**[4]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử P thẩm. Anh P được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 14 giờ ngày 15/12/2020 có mặt chị T, anh D, bà M, ông N.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PHẠM VĂN NHỊN**